TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 186 /2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Đông, ngày 17 tháng 3 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 846/2019/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị P, sinh năm 1971

Đăng ký hộ khẩu thường trú : Số nhà 7, ngõ 181 đường T, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú tại: Số nhà 2, ngách 197/21 phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh S, sinh năm 1969

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số nhà 7, ngõ 181 đường T, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa*** : Chị P và anh S.

2. ***Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau***:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị P và anh S chung sống với nhau từ năm 1997 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỗ, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là Ủy ban nhân dân phường Văn Mỗ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) ngày 10/3/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Số nhà 7, ngõ 181 đường T, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị P, anh S xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

- **Về con chung**: Chị P, anh S xác nhận vợ chồng có 02 con chung là G(nữ), sinh ngày 09/3/1998 và U (nữ), sinh ngày 27/01/2008. Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của chị P, anh S về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Giao cho anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu U và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị P. Còn đối với cháu Gđã trưởng thành đủ 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là do cháu tự quyết định không đặt ra giải quyết.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung (động sản, bất động sản):** Chị P, anh S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- **Về công nợ**: Chị P, anh S xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- **Về án phí:** : Chị P tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị P đã nộp đủ án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008475 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND phường Văn Mỗ, quận Hà Đông, TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thủy